

Bản án số: **47/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 15/9/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thủy Lam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lâm Ngọc Hà

Ông Châu Thanh Vũ Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Thị Loan Em - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Mộng Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **131/2022/TLST-HNGĐ** ngày 20/6/2022, về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2022/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Sơn Thị Mỹ C**. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông **Trang Phước T**. Địa chỉ: Ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2022, nguyên đơn bà Sơn Thị Mỹ C trình bày:*

Bà Sơn Thị Mỹ C và ông Trang Phước T cưới nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng vào ngày 24/11/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến

năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T ham mê cờ bạc, không lo làm ăn. Bà C và ông T đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà C và ông T có 02 người con chung tên Trang Thị Hồng N, sinh ngày 02/8/2006 và Trang Thái P, sinh ngày 21/11/2013. Hiện cả 02 người con đang sống chung với bà C tại địa chỉ ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Mỹ C yêu cầu ly hôn với ông Trang Phước T.

- Về con chung: Bà C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trang Thị Hồng N, sinh ngày 02/8/2006 và Trang Thái P, sinh ngày 21/11/2013, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn ông Trang Phước T:* Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Trang Phước T, nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay, ông Trang Phước T vắng mặt, không tham gia tố tụng, không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Nguyên đơn bà Sơn Thị Mỹ C có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Bị đơn ông Trang Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sơn Thị Mỹ C đối với bị đơn ông Trang Phước T, giải quyết cho bà Sơn Thị Mỹ C và ông Trang Phước T ly hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Về con chung: Hiện nay, cháu Trang Thị Hồng N, sinh ngày 02/8/2006 và Trang Thái P, sinh ngày 21/11/2013 đang do bà Sơn Thị Mỹ C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà

Sơn Thị Mỹ C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết giao cháu Trang Thị Hồng N và Trang Thái P cho bà Sơn Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, ông Trang Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Sơn Thị Mỹ C không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị Mỹ C tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Sơn Thị Mỹ C yêu cầu Tòa án giải quyết: Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Mỹ C yêu cầu ly hôn với ông Trang Phước T; Về con chung: Bà C yêu cầu được quyền nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trang Thị Hồng N, sinh ngày 02/8/2006 và Trang Thái P, sinh ngày 21/11/2013, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật giải quyết “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn bà Sơn Thị Mỹ C có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Đối với bị đơn ông Trang Phước T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **Về nội dung:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Mỹ C và ông Trang Phước T tự nguyện kết hôn, được UBND xã A, huyện T (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/11/2005 cho nên quan hệ hôn nhân giữa bà Sơn Thị Mỹ C và ông Trang Phước T là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa bà Sơn Thị Mỹ C và ông Trang Phước T phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hòa hợp, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, hai người đã không còn chung sống với nhau từ năm 2014 cho đến nay. Cho nên bà Sơn Thị Mỹ C đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trang Phước T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã triệu tập các đương sự đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhằm tìm ra được cách thức để hai bên hàn gắn tình cảm vợ chồng và khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng có thể đoàn tụ với nhau, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án

bị đơn ông Trang Phước T không có ý kiến, cũng không đến tham dự phiên hòa giải, cũng không đến tham gia phiên tòa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà Sơn Thị Mỹ C yêu cầu được ly hôn với ông Trang Phước T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Mỹ C và giải quyết cho bà Sơn Thị Mỹ C được ly hôn với ông Trang Phước T.

[2] Về con chung: Bà Sơn Thị Mỹ C và ông Trang Phước T có 02 con chung tên Trang Thị Hồng N, sinh ngày 02/8/2006 và Trang Thái P, sinh ngày 21/11/2013. Xét thấy, hiện nay cả hai cháu Trang Thị Hồng N và Trang Thái P đang sống chung với bà Sơn Thị Mỹ C và được bà Sơn Thị Mỹ C nuôi dưỡng, chăm sóc tốt, cả hai cháu đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà Sơn Thị Mỹ C. Do đó, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho hai cháu Trang Thị Hồng N và Trang Thái P nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Trang Thị Hồng N và Trang Thái P cho bà Sơn Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai cháu đủ 18 (Mười tám) tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trang Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Sơn Thị Mỹ C không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị Mỹ C tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bà Sơn Thị Mỹ C phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn số tiền 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, **khoản 2 Điều 81**, Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Sơn Thị Mỹ C.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Mỹ C được ly hôn với ông Trang Phước T.

- Về con chung: Giao hai cháu Trang Thị Hồng N, sinh ngày 02/8/2006 và Trang Thái P, sinh ngày 21/11/2013 cho bà Sơn Thị Mỹ C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trang Thị Hồng N và Trang Thái P đủ 18 (Mười tám) tuổi. Ông Trang Phước T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Sơn Thị Mỹ C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông Trang Phước T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Sơn Thị Mỹ C tự trình bày là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Sơn Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0003150 ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng; Như vậy, bà Sơn Thị Mỹ C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Báo cáo đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thủy Lam**